

KINH TƯƠNG ƯNG BỘ



Thiên Đại Tương Ưng Dự Lưu Phẩm Veludvara (Veludvaravagga)

HT Thích Minh Châu dịch Việt
từ Kinh tạng tiếng Pali



DAOPHATGOC.COM

[NGHE SÁCH NÓI](#) - [XEM YOUTUBE](#)

KINH TƯƠNG ƯNG BỘ

Thiên Đại

Tương Ưng Dự Lưu

Phẩm Veludvara

(Veludvaravagga)

1. I. Vua (S.v,342)

1-2) Sàvatthi. Ở đây... nói như sau:

3) — Dầu cho, này các Tỷ-kheo, một vị Chuyển luân vương làm chủ tể và cai trị bốn châu, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, thế giới này, cộng trú với chư Thiên ở cõi Ba mươi ba; tại đây, vị ấy trú trong rừng Nandana, được chúng Thiên nữ đoanh vây, được đầy đủ, được cung cấp, được bao bọc năm thiên dục công đức, nhưng không được đầy đủ bốn pháp; tuy vậy, vị ấy chưa được giải thoát khỏi địa ngục, chưa được giải thoát khỏi sanh vào loài bàng sanh, chưa giải thoát khỏi ngã quý, và chưa thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

4) Nhưng này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, dầu muốn sống bằng các miếng ăn khát thực, đắp với y nhiều tấm (nantakàni); vị ấy đầy đủ bốn pháp. Và vị ấy được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi sanh vào loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngã quý, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ. Thế nào là bốn?

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: “Đây bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”.

6) Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp: “Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu”.

7) Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng: “Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trục hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là

bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời”.

8) Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định.

9) Vị ấy thành tựu bốn pháp này.

10) Và này các Tỷ-kheo, có sự lợi đặc của bốn châu và sự lợi đặc của bốn pháp. Sự lợi đặc bốn châu không đáng giá (agahati) một phần mười sáu lợi đặc bốn pháp.

2. II. Thế Nhập (S.v,343)

1-2) ...

3) — Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không có thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: “Đây là bậc Ứng cúng,... Phật, Thế Tôn”.

5-6) Đối với Pháp... Đối với Tăng...

7) Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiên định.

8) Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

9) Thế Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ thuyết vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Ai có tín và giới,
Tịnh tín và thấy pháp,
Đến thời chúng chín muồi,
Nhập Phạm hạnh, được lạc.*

3. III. Dìghàvu (S.v,344)

1) Một thời, Thế Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, cư sĩ Dìghàvu bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3) Rồi cư sĩ Dìghàvu thưa với cha là Jotika:

— Hãy đi, thưa Cha, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nhân danh con, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: “Cư sĩ Dìghàvu, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh, xin cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn”. Rồi Cha hãy thưa như sau: “Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đi đến nhà cư sĩ Dìghàvu vì lòng từ mẫn!”

— Được, này Con.

Gia chủ Jotika nghe lời cư sĩ Dìghàvu, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

4) Ngồi một bên, gia chủ Jotika bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, cư sĩ Dìghàvu bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Vì vậy cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa như sau: “Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đi đến trú xứ cư sĩ Dìghàvu vì lòng từ mẫn!”

Thế Tôn im lặng nhận lời.

5) Rồi Thế Tôn đáp y, cầm y bát đi đến trú xứ cư sĩ Dìghàvu; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống rồi, Thế Tôn nói với cư sĩ Dìghàvu:

— Này Dìghàvu, Ông có kham nhẫn được chăng? Ông có chịu đựng được chăng? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có dấu hiệu giảm thiểu, không tăng trưởng?

— Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Đau đớn kịch liệt nơi con không có giảm thiểu, chúng tăng trưởng. Chúng có dấu hiệu tăng trưởng, không có dấu hiệu giảm thiểu.

6) — Do vậy, này Dìghàvu, Ông hãy học tập như sau: “Ta sẽ thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: “Đây là bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn. Đối với Pháp... Đối với chúng Tăng... Tôi sẽ thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiên định””. Như vậy, này Dìghàvu, Ông cần phải học tập.

7) — Bạch Thế Tôn, đối với bốn Dự lưu phần do Thế Tôn thuyết giảng, tất cả các pháp ấy đều có ở trong con. Con thực hiện chúng đầy đủ. Bạch Thế Tôn, con thành tựu lòng tin bất động đối với Phật: “Đây là bậc Ứng Cúng... Phật,

Thế Tôn... Đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Tôi thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiên định”.

— Do vậy, này Dìghàvu, sau khi Ông đã an trú trong bốn Dự lưu phần này, Ông hãy tu tập thêm sáu minh phần pháp (chavijjà-bhàgiye dhamme).

8) Ở đây, này Dìghàvu, Ông hãy trú, quán vô thường trong tất cả hành, quán khổ tướng trong vô thường, quán vô ngã tướng trong khổ, quán tướng đoạn tận, quán tướng ly tham, quán tướng đoạn diệt. Như vậy, này Dìghàvu, Ông cần phải học tập.

— Bạch Thế Tôn, đối với sáu minh phần pháp được Thế Tôn thuyết giảng này, chúng đều có ở trong con và con thực hiện chúng đầy đủ. Bạch Thế Tôn, con trú, quán vô thường trong tất cả hành, quán khổ tướng trong vô thường, quán vô ngã tướng trong khổ, quán tướng đoạn tận, quán tướng ly tham, quán tướng đoạn diệt.

9) Nhưng, bạch Thế Tôn, con có ý nghĩ sau đây: “Ta không có muốn gia chủ Jotika, ở đây khi ta chết phải rơi vào khốn khổ (vighàta)”.

— Này Dìghàvu, chớ có tác ý như vậy! Hãy nhìn, này Dìghàvu! Những gì Thế Tôn đang nói cho con, con hãy khéo tác ý.

10) Rồi Thế Tôn sau khi giáo giới cho cư sĩ Dìghàvu với lời giáo giới, từ chỗ ngồi đứng dậy, và ra đi.

11) Cư sĩ Dìghàvu, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu liền mệnh chung.

12) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, người cư sĩ tên là Dìghàvu; sau khi được nghe Thế Tôn giáo giới một cách tóm tắt, đã mệnh chung. Sanh thú cư sĩ ấy thế nào? Sanh xứ cư sĩ ấy chỗ nào?

— Hiền minh, này các Tỷ-kheo, là cư sĩ Dìghàvu! Cư sĩ Dìghàvu thực hiện các pháp và tùy pháp, không làm phiền nhiễu Ta với những kiện tụng về pháp.

13) Cư sĩ Dìghàvu, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh nhập diệt ở tại đây, không còn trở lui thế giới này nữa.

4. IV. Sàriputta (1) (S.v,346)

1) Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Ānanda trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anāthapindika.

2) Rồi Tôn giả Ānanda, vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy... ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda thưa với Tôn giả Sàriputta:

3) — Thưa Hiền giả Sàriputta, do nhân thành tựu bao nhiêu pháp, chúng sanh ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ?

— Này Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp nên chúng sanh ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc sẽ chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

4) Ở đây, này Hiền giả, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... đầy đủ các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiền định.

5) Này Hiền giả, do nhân thành tựu bốn pháp này nên các chúng sanh ở đời này được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

5. V. Sàriputta (2) (S.v,347)

1) ...

2) Rồi Tôn giả Sàriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sàriputta đang ngồi một bên:

3) — “Dự lưu phần, dự lưu phần”, này Sàriputta, được nói đến như vậy. Này Sàriputta, thế nào là Dự lưu phần?

— Thân cận bậc Chân nhân, bậc Thế Tôn, là Dự lưu phần. Nghe diệu pháp là Dự lưu phần. Như lý tác ý là Dự lưu phần. Thực hành pháp và tùy pháp là Dự lưu phần.

— Lành thay, này Sàriputta! Lành thay, này Sàriputta! Thân cận bậc Chân nhân là Dự lưu phần... thực hành pháp và tùy pháp là Dự lưu phần.

4) “Dòng sông, dòng sông”, này Sàriputta, được nói đến như vậy. Này Sàriputta, thế nào là dòng sông?

— Bạch Thế Tôn, đây là dòng sông Thánh đạo Tám ngành. Tức là chánh tri kiến... chánh định.

— Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Này Sàriputta, đây là dòng sông Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định.

5) “Dự lưu, Dự lưu”, này Sàriputta, được gọi là như vậy. Này Sàriputta, thế nào là Dự lưu?

— Bạch Thế Tôn, ai thành tựu Thánh đạo Tám ngành này, người ấy gọi là Dự lưu, vị Tôn giả với tên như vậy, với họ như vậy.

— Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Này Sàriputta, ai thành tựu Thánh đạo Tám ngành này, người ấy được gọi là bậc Dự lưu, vị Tôn giả với tên như thế này, với họ như thế này.

6. VI. Các Người Thợ Mộc (Thapataye) (S.v,348)

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Lúc bấy giờ nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: “Khi y xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ ra đi, du hành”.

3) Lúc bấy giờ, Isidatta và Puràna, hai người thợ mộc trú ở Sàdhuka vì một vài công việc phải làm. Hai người thợ mộc Isidatta và Puràna nghe rằng nhiều Tỷ-kheo đang làm y cho Thế Tôn, khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ ra đi, du hành.

4) Rồi hai thợ mộc Isidatta và Puràna đặt một người đứng ở giữa đường và dặn:

— Này Ông, khi nào Ông thấy Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đi đến, hãy báo tin cho chúng tôi biết.

5) Sau khi đứng hai, ba ngày, người ấy thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền đi đến hai người thợ mộc Isidatta và Puràna và nói với họ:

— Thưa Quý vị, bậc Thế Tôn ấy đã đến, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nay là thời Quý vị nghĩ phải làm gì.

6) Rồi hai người thợ mộc Isidatta và Puràna đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đi theo sau lưng Thế Tôn.

7) Rồi Thế Tôn đi xuống đường, đến một gốc cây; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Isidatta và Puràna đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, hai người thợ mộc Isidatta và Puràna bạch Thế Tôn:

8) — Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: “Thế Tôn sẽ đi khỏi Sàvatthi để du hành giữa dân chúng Kosala”; khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, nghĩ rằng: “Thế Tôn sẽ ở xa chúng ta”. Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: “Thế Tôn đã đi khỏi Sàvatthi, đang du hành giữa dân chúng Kosala”; khi ấy, chúng con không được hoan hỷ, có sự ưu buồn, nghĩ rằng: “Thế Tôn đã ở xa chúng ta”.

9) Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: “Thế Tôn sẽ đi khỏi dân chúng Kosala để du hành giữa dân chúng Malla”; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn, nghĩ rằng: “Thế Tôn sẽ ở xa chúng ta”. Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: “Thế Tôn đã ra đi khỏi dân chúng Kosala, và đang du hành giữa dân chúng Malla”; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn, nghĩ rằng: “Thế Tôn đã ở xa chúng ta”.

10) Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: “Thế Tôn sẽ ra đi khỏi dân chúng Malla để du hành giữa dân chúng Vajji”; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn, nghĩ rằng: “Thế Tôn sẽ ở xa chúng ta”; Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: “Thế Tôn đã ra đi khỏi dân chúng Malla, và đang du hành giữa dân chúng Vajji”; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn, nghĩ rằng: “Thế Tôn đã ở xa chúng ta”.

11) Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: “Thế Tôn sẽ ra đi khỏi dân chúng Vajji để du hành giữa dân chúng Kàsi”; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn, nghĩ rằng: “Thế Tôn sẽ ở xa chúng ta”. Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: “Thế Tôn đã ra đi khỏi dân chúng Vajji, và đang du hành giữa dân chúng Kàsi”; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn, nghĩ rằng: “Thế Tôn đã ở xa chúng ta”.

12) Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: “Thế Tôn sẽ ra đi khỏi dân chúng Kàsi để du hành giữa dân chúng Magadha”; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn, nghĩ rằng: “Thế Tôn sẽ ở xa chúng ta”. Và khi, bạch Thế Tôn, chúng con được nghe: “Thế Tôn đã ra đi khỏi dân chúng Kàsi, và đang du hành giữa dân chúng Magadha”; khi ấy, chúng con không hoan hỷ, có ưu buồn, nghĩ rằng: “Thế Tôn đã ở xa chúng ta”.

13) Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: “Thế Tôn sẽ ra đi khỏi dân chúng Magadha để du hành giữa dân chúng Kàsi”; khi ấy, chúng con được vui vẻ, có sự hoan hỷ, nghĩ rằng: “Thế Tôn sẽ ở gần chúng ta”. Khi chúng con được nghe: “Thế Tôn đã ra đi khỏi dân chúng Magadha và đang du hành ở Kàsi”; khi ấy, chúng con được vui vẻ, có sự hoan hỷ, (nghĩ rằng): “Thế Tôn đã ở gần chúng ta”.

14) ... “khỏi dân chúng Kàsi để du hành ở giữa dân chúng Vajji..”.

15) ... “khỏi dân chúng Vajji để du hành ở giữa dân chúng Malla..”.

16) ... “khỏi dân chúng Malla để du hành ở giữa dân chúng Kosala..”.

17) Bạch Thế Tôn, khi chúng con được nghe: “Thế Tôn sẽ ra đi khỏi dân chúng Kosala, để du hành giữa dân chúng Sàvatthi”; khi ấy, chúng con được vui vẻ, có sự hoan hỷ, (nghĩ rằng): “Thế Tôn sẽ ở gần chúng ta”. Khi chúng con được nghe: “Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Thắng Lâm, khu vườn ông Anàthapindika”; khi ấy vô lượng là sự vui vẻ của chúng con, vô lượng là hoan hỷ của chúng con (nghĩ rằng): “Thế Tôn đã ở gần chúng ta”.

18) — Do vậy, này các người Thợ mộc, chật hẹp là đời sống ở gia đình, đầy những bụi đời! Phóng khoáng giữa trời là đời sống người xuất gia! Như vậy là vừa đủ, này các người Thợ mộc, để các Ông không có phóng dật.

19) — Nhưng bạch Thế Tôn, ở đây chúng con có đàn áp khác, còn áp bức hơn, còn bội phần áp bức hơn.

— Thế nào là sự đàn áp khác, này các người Thợ mộc, còn áp bức hơn, còn bội phần hơn?

20) — Ở đây, bạch Thế Tôn, khi vua Pasenadi nước Kosala muốn đi ra viếng thăm khu vườn, thời các con voi của vua Pasenadi nước Kosala cần phải được chúng con chuẩn bị và trang sức, và các cung phi khả ái, khả ý của vua Pasenadi nước Kosala cần phải có chúng con đặt ngồi một người ngồi trước, một người ngồi sau. Bạch Thế Tôn, mùi hương của các cung phi ấy thật là thơm ngọt như một hộp nước hoa vừa được mở ra, các cung phi của vua được ướp với mùi thơm như vậy. Lại nữa, bạch Thế Tôn, thân xúc các cung phi này thật là mềm dịu như một túm bông hoa hồng, vì họ được nuôi dưỡng rất an lạc. Bạch Thế Tôn, trong lúc ấy, chúng con cần phải hộ trì cho voi, cần phải hộ trì cho các cung phi, cần phải hộ trì cho tự ngã nữa.

21) Dầu vậy, bạch Thế Tôn, chúng con không rõ biết sự khởi lên ái tâm đối với các cung phi ấy. Đây, bạch Thế Tôn, là đàn áp khác, còn áp bức hơn, còn bội phần áp bức hơn!

22) — Do vậy, này các người Thợ mộc, chật hẹp là đời sống ở gia đình, đầy những bụi đời! Phóng khoáng giữa trời là đời sống người xuất gia! Như vậy là vừa đủ, này các người Thợ mộc, để các Người không có phóng dật!

23) Này các người Thợ mộc, thành tựu bốn pháp, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thối đạo, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Thế nào là bốn?

24) Ở đây, này các người Thợ mộc, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: “Đây là bậc Ứng Cúng, ... Phật, Thế Tôn”... đối với Pháp... đối với chúng Tăng... Vị ấy sống ở gia đình, với tâm gột sạch cấu uế, xan tham. Vị ấy thường bố thí, bàn tay rộng mở, ưa thích từ bỏ, thích được nhờ cậy, thích thú chia xẻ vật được bố thí. Thành tựu bốn pháp này, này các người Thợ mộc, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thối đạo, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

25) Này các người Thợ mộc, các Người thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: “Đây là bậc Ứng Cúng, ... Phật, Thế Tôn”... đối với Pháp... đối với chúng Tăng. Trong gia đình các Người, phạm có vật được bố thí nào, tất cả đều được chia xẻ hoàn toàn và vô tư cho những vị có trì giới và các thiện nhân.

26) Các Ông nghĩ thế nào, này các người Thợ mộc, có bao nhiêu người ở tại Kosala có thể ngang bằng các Ông về phần chia vật bố thí?

27) — Thật lợi đặc cho chúng con, bạch Thế Tôn! Thật khéo lợi đặc cho chúng con, bạch Thế Tôn, được Thế Tôn biết chúng con như vậy!

7. VII. Những Người Ở Veludvāra (S.v,352)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đi đến một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala tên là Veludvāra.

2) Các Bà-la-môn gia chủ ở Veludvāra được nghe: “Sa-môn Gotama là Thích tử, đã xuất gia từ gia tộc họ Thích, đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo và đã đến Veludvāra”. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: “Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh

Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Sau khi chứng ngộ, Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện có nghĩa, có văn. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn, đầy đủ, trong sạch. Tốt lành thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!”

3) Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Veludvāra đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, một số đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên; một số chấp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên với Thế Tôn tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; một số im lặng ngồi xuống một bên.

4) Ngồi một bên, các Bà-la-môn gia chủ ở Veludvāra bạch Thế Tôn:

— Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi có ước vọng như thế này, có ước muốn như thế này, có chú tâm (adhippāya) như thế này: “Mong rằng chúng tôi được sống trong một nhà chật đầy trẻ con! Mong chúng tôi được sử dụng các hương chiên đàn từ Kàsi! Mong rằng chúng tôi được trang sức bằng vòng hoa và phấn sáp! Mong rằng chúng tôi được sử dụng vàng và bạc! Sau khi thân hoại mạng chung, mong rằng chúng tôi được sanh thiên thú, thiên giới, cõi đời này!” Mong rằng Tôn giả Gotama hãy thuyết pháp cho chúng tôi, những người có ước vọng như vậy, có ước muốn như vậy, có chú tâm như vậy. Hãy thuyết pháp như thế nào để chúng tôi được sống trong một nhà chật đầy trẻ con, để chúng tôi được sử dụng các hương chiên đàn từ Kàsi... để chúng tôi, khi thân hoại mạng chung, được sanh thiên thú, thiên giới, cõi đời này.

5) — Vậy này các Gia chủ, Ta sẽ thuyết cho các Ông một pháp môn đưa đến lợi ích (tự lợi cho tự ngã) (attuapanāyikam). Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

— Thưa vâng, Tôn giả.

Các Bà-la-môn ở Veludvāra vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

— Nay các Gia chủ, thế nào là pháp môn đưa đến lợi ích cho tự ngã?

6) Ở đây, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Ta muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ. Nếu có ai đến đoạt mạng sống của ta, một người muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, như vậy là một

việc không khả ái, không khả ý đối với ta. Nhưng nếu ta đoạt mạng sống một người muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý đối với người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?” Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ sát sanh, khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh, nói lời tán thán từ bỏ sát sanh. Như vậy, về thân hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh (kotiparisuddham).

7) Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: “Nếu có ai lấy của không cho của ta, gọi là ăn trộm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta lấy của không cho của người khác, gọi là ăn trộm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp ấy cũng không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao lại đem cột pháp ấy cho người khác?” Do suy tư như vậy, vị ấy từ bỏ lấy của không cho, khuyến khích người khác từ bỏ lấy của không cho, nói lời tán thán từ bỏ lấy của không cho. Như vậy, về thân hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

8) Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Nếu ai có tà hạnh với vợ của ta, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta có tà hạnh với vợ của người khác, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?” Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, khuyến khích người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục, nói lời tán thán từ bỏ tà hạnh trong các dục. Như vậy, về thân hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

9) Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: “Nếu có ai làm tổn hại lợi ích ta với lời nói láo, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng làm tổn hại lợi ích người khác với lời nói láo, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?” Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ nói láo, khuyến khích người khác từ bỏ nói láo, nói lời tán thán từ bỏ nói láo. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

10) Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: “Nếu có ai chia rẽ bạn bè ta bằng lời nói hai lưỡi, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta chia rẽ bạn bè người khác bằng lời nói hai lưỡi, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?” Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ nói hai lưỡi, khuyến khích người khác từ bỏ nói hai lưỡi, nói lời tán thán từ bỏ nói hai lưỡi. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

11) Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: “Nếu có ai đối xử với ta bằng thô ác ngữ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng đối xử với người khác bằng thô ác ngữ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?” Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ thô ác ngữ, khuyến khích người khác từ bỏ thô ác ngữ, nói lời tán thán từ bỏ thô ác ngữ. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

12) Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: “Nếu có ai đối xử với ta với lời tạp ngữ, với lời phù phiếm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng đối xử với người khác với lời tạp ngữ, với lời phù phiếm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?” Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ lời nói phù phiếm, khuyến khích người khác từ bỏ nói lời phù phiếm, tán thán từ bỏ nói lời phù phiếm. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

13) Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: “Đây là bậc A-la-hán... Phật, Thế Tôn”.

14) ... đối với Pháp...

15) ... đối với chúng Tăng...

16) Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị điểm ó, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định.

17) Nay các Gia chủ, khi nào vị Thánh đệ tử thành tựu bảy pháp này và bốn lời nguyện xú này, nếu vị ấy muốn, vị ấy có thể tuyên bố về mình: “Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khổ sanh vào loại bàng sanh, đoạn tận cõi nga quý, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, không có bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ”.

18) Được nói vậy, các Bà-la-môn gia chủ ở Veludvāra bạch Thế Tôn:

— Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn... từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

8. VIII. Giảng Đường Bằng Gạch (1) (S.v,356)

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Nātika, trong ngôi giảng đường bằng gạch.

2) Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến... bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sālha đã mạng chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo-ni Nānda mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào? Nữ cư sĩ Sujātā mệnh chung, sanh thú thế nào, thọ sanh chỗ nào?

3) — Tỷ-kheo Sālha, này Ānanda, đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Tỷ-kheo-ni Nānda, này Ānanda, mệnh chung, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui thế giới này. Cư sĩ Sudatta, này Ānanda, do đoạn diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, là bậc Nhất Lai, sau khi trở lui thế giới này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau. Nữ cư sĩ Sujātā, này Ānanda, mạng chung, sau khi đoạn tận ba kiết sử, là bậc Dự lưu, không còn bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

4) Nay Ānanda, thật không có gì lạ vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này, thời này Ānanda, như vậy làm phiền nhiễu Như Lai. Nay Ānanda, vì vậy Ta sẽ giảng pháp môn Pháp kính (gương Chánh pháp) để vị Thánh đệ tử sau khi thành tựu

pháp môn này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: “Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi nạ quý, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta đã chứng quả Dự lưu, không còn bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ”.

5) Nay Ænanda, pháp môn Pháp kính ấy là gì mà Thánh đệ tử thành tựu pháp môn ấy, nếu muốn, sẽ tự mình tuyên bố về mình như sau: “Ta đã đoạn tận địa ngục... Ta đã chứng quả Dự lưu, không còn bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ”?

6) Ở đây, nay Ænanda, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: “Đây là bậc Ứng Cúng, ... Phật, Thế Tôn”... với Pháp... với Tăng.... thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính... đưa đến Thiên định.

7) Đây là pháp môn Pháp kính, nay Ænanda, thành tựu pháp môn này, vị Thánh đệ tử nếu muốn, tự mình tuyên bố về mình như sau: “Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận cõi nạ quý, đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, không còn bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ”.

8) (Kinh này và hai kinh sau đều cùng một nhân duyên).

9. IX. Giảng Đường Bằng Gạch (2) (S.v,358)

1-2) ... ngồi xuống một bên, Tôn giả Ænanda bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Asokà đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo-ni Asokà đã mệnh chung... Nam cư sĩ Asokà đã mệnh chung... Nữ cư sĩ Asokà đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào?

3-6) — Nay Ænanda, Tỷ-kheo Asokà đã mệnh chung, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát... (như kinh trên 8, đoạn số 3 với Tỷ-kheo-ni Asokà, nam cư sĩ Asokà và nữ cư sĩ Asokà) ...

7) Nay Ænanda, đây là pháp môn Pháp kính, thành tựu pháp môn này, vị Thánh đệ tử nếu muốn, tự mình tuyên bố về mình: “Ta đã đoạn tận địa ngục, ta đã đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, ta đã đoạn tận cõi nạ quý, ta đã đoạn tận ác sanh, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự lưu, không còn bị thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ”.

10. X. Ngõ Nhà Bằng Gạch (3) (S.v,358)

1-2) ... ngõ xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

— Cư sĩ ở Nàtika tên Kakkata đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Cư sĩ ở Nàtika tên Kàlinga, bạch Thế Tôn, đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào? Cư sĩ ở Nàtika tên Nikata... Cư sĩ Katissaha... Cư sĩ Tuttha... Cư sĩ Santuttha... Cư sĩ Dhadda... Cư sĩ Subhadda ở Nàtika, bạch Thế Tôn, đã mệnh chung, sanh thú của vị ấy thế nào, sanh xứ chỗ nào?

3) — Cư sĩ Kakkata, này Ànanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đây nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này. Cư sĩ Kàlinga, này Ànanda... Cư sĩ Nikata, này Ànanda... Cư sĩ Katissaha, này Ànanda... Cư sĩ Tuttha, này Ànanda... Cư sĩ Santuttha, này Ànanda... Cư sĩ Bhadda, này Ànanda... Cư sĩ Subhadda, này Ànanda, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đây nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này nữa. Tất cả đều cùng một sanh thú.

4) Hơn năm mươi cư sĩ ở Nàtika, này Ànanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ đây nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui cõi đời này nữa. Hơn chín mươi nam cư sĩ ở Nàtika, này Ànanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, sau khi làm cho muối lược tham, sân, là bậc Nhứt Lai, sau khi trở lui thế giới này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau. Năm trăm lẻ sáu nam cư sĩ ở Sàkata, này Ànanda, đã mệnh chung, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự lưu, không còn thoái đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

5-7) Này Ànanda, thật không có gì lạ vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung, Ông lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này; thời này Ànanda, như vậy làm phiền nhiễu Như Lai... (xem trên 9, đoạn số 4,5,6,7) ... quyết chắc chứng quả giác ngộ.

Thành kính tri ân công lao to lớn của [Hòa thượng Thích Minh Châu](#) đã dịch Việt từ nguyên bản tiếng Pali [5 bộ Kinh Nikaya](#) - văn bản đáng tin cậy nhất lưu giữ những lời dạy gốc của [Đức Phật Thích Ca Mâu Ni](#).

*Tổng hợp - so sánh - chọn lọc từ nhiều nguồn uy tín: kinh sách, sách in, các trang mạng, ...
Xin được cảm ơn và tri ân tất cả những cá nhân đã cống hiến thời gian, công sức, của cải,
tâm huyết để thu thập, đánh máy, ghi âm, lưu trữ, ấn tống và chia sẻ miễn phí
những tư liệu quý giá này.*

ĐOC, NGHE, TẢI VỀ KINH TƯỢNG ỨNG BÔ